

ĐỖ NGỌC THỐNG (Chủ biên)
PHẠM THỊ THU HIỀN - NGUYỄN THỊ NƯƠNG
NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN

ÔN TẬP môn Ngữ văn

**CHUẨN BỊ CHO KÌ THI
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA**

**Tập
một**



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

ĐỖ NGỌC THỐNG (Chủ biên)
PHẠM THỊ THU HIỀN - NGUYỄN THỊ NƯƠNG
NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN

ÔN TẬP

môn **Ngữ văn**

Tập
một

**CHUẨN BỊ CHO KÌ THI
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA**

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Từ năm học 2014 – 2015, học sinh cấp Trung học phổ thông trong toàn quốc bắt đầu thực hiện kì thi Trung học phổ thông quốc gia. Theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong kì thi này, học sinh bắt buộc thi 3 môn là *Ngữ văn*, *Toán* và *Ngoại ngữ*, đồng thời mỗi học sinh được tự chọn 1 môn khác trong số 5 môn *Vật lí*, *Hoá học*, *Sinh học*, *Địa lí*, *Lịch sử*. Dù là môn thi bắt buộc hay môn thi tự chọn, thí sinh đều phải nỗ lực ôn tập, luyện thi tốt để giành kết quả cao trong kì thi quan trọng này. Kết quả của kì thi không chỉ là căn cứ giúp các em được công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông mà còn giành những ưu trội làm cơ sở để xét tuyển vào trường đại học và cao đẳng mà các em có nguyện vọng lựa chọn.

Để giúp các em học sinh Trung học phổ thông, đặc biệt là học sinh lớp 12, ôn tập và thi đạt kết quả tốt trong kì thi Trung học phổ thông quốc gia, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tổ chức biên soạn, xuất bản bộ sách *Ôn tập chuẩn bị cho kì thi Trung học phổ thông quốc gia* và bộ sách *Bộ đề chuẩn bị cho kì thi Trung học phổ thông quốc gia* ở 8 môn học: *Ngữ văn*, *Toán*, *Vật lí*, *Hoá học*, *Sinh học*, *Lịch sử*, *Địa lí*, *Tiếng Anh*. Hai bộ sách ôn luyện chuẩn bị cho kì thi Trung học phổ thông quốc gia đều chú ý tới những yêu cầu và lưu ý chung nhằm giúp cho học sinh ôn luyện đạt kết quả cao. Riêng bộ sách *Ôn tập chuẩn bị cho kì thi Trung học phổ thông quốc gia*, các tác giả chú ý hơn đến những kiến thức, kĩ năng được học trong cấp Trung học phổ thông, chủ yếu tập trung ở chương trình lớp 12. Đặc biệt, cả hai bộ sách đều tập trung biên soạn, lựa chọn những câu hỏi, bài tập điển hình, tiêu biểu theo hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá và thi tốt nghiệp Trung học phổ thông quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo. Theo đó, các câu hỏi và bài tập được phân hoá theo các mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng (thấp) và vận dụng cao. Đồng thời, các câu hỏi, bài tập cũng chú ý tới các dạng mở, có tính sáng tạo, đánh giá đúng năng lực và phẩm chất của học sinh.

Với ý nghĩa và tinh thần trên, các nhóm tác giả của mỗi bộ sách ở từng môn học đã cố gắng biên soạn, lựa chọn các câu hỏi và bài tập thích hợp nhằm giúp các em học sinh ôn luyện và thi đạt hiệu quả tốt nhất. Mặc dù vậy, sách lần đầu được biên soạn, khó tránh được những sơ suất nhất định. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam rất mong các thầy giáo, cô giáo, các em học sinh và các quý phụ huynh có những góp ý để lần tái bản tới đây, sách được tốt hơn. Thư góp ý gửi về theo địa chỉ: Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội, số 187B Giảng Võ, Hà Nội.

Trân trọng cảm ơn.

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Theo quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, từ năm học 2014 – 2015, các trường Trung học phổ thông (THPT) trong toàn quốc sẽ thực hiện kì thi Trung học phổ thông quốc gia. Tại kì thi này, tất cả học sinh (HS) đều phải thi ba môn bắt buộc, trong đó có môn Ngữ văn.

Nội dung và phương pháp ôn tập, thi, kiểm tra môn Ngữ văn theo yêu cầu của kì thi quốc gia có nhiều điểm khác biệt so với cách ôn tập và thi, kiểm tra hiện hành.

Thứ nhất là do yêu cầu hướng tới đánh giá năng lực của HS thay cho việc chỉ tập trung đánh giá kiến thức và kĩ năng một cách rời rạc; chuyển việc thi, kiểm tra nghiêng về ghi nhớ máy móc, học thuộc bài văn mẫu sang yêu cầu sáng tạo, dám thể hiện chính kiến và bản lĩnh của mình trước một vấn đề văn học hoặc cuộc sống; chuyển hướng thi, kiểm tra nặng về lí thuyết sang yêu cầu vận dụng, biết giải quyết vấn đề trong các tình huống tương tự.

Thứ hai là do yêu cầu hội nhập quốc tế, việc thi, kiểm tra cần phù hợp với cách thức và trình độ, xu thế chung của nhiều nước phát triển. Đề cao yêu cầu kiểm tra, đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản là xu thế quốc tế cần đáp ứng. Vì thế cách dạy và học, cách ôn thi và kiểm tra môn Ngữ văn cần thay đổi, bổ sung yêu cầu đọc hiểu văn bản theo đúng ý nghĩa và bản chất của năng lực đọc hiểu.

Thứ ba là do mục đích vừa để xét tốt nghiệp THPT vừa cung cấp cơ sở dữ liệu cho tuyển sinh đại học nên đề thi Ngữ văn phải thay đổi, kéo theo cách dạy, cách học, cách ôn tập phải thay đổi.

Để giúp HS THPT, nhất là HS lớp 12 ôn luyện và thi tốt kì thi THPT quốc gia sắp tới, chúng tôi biên soạn bộ sách *Ôn tập môn Ngữ văn chuẩn bị cho kì thi Trung học phổ thông quốc gia*. Bộ sách gồm hai tập, với một số nội dung cơ bản sau đây:

Tập một gồm có hai phần. Phần I nêu lên những yêu cầu và lưu ý chung trong việc ôn luyện của HS nhằm đạt hiệu quả cao, đáp ứng được

yêu cầu mới. Phần II là hệ thống câu hỏi đọc hiểu văn bản, câu hỏi nghị luận xã hội và gợi ý trả lời.

Tập hai gồm có ba phần. Phần I là hệ thống câu hỏi đọc hiểu văn bản và gợi ý trả lời. Phần II là hệ thống câu hỏi nghị luận văn học và gợi ý trả lời. Phần III đề xuất một số dạng đề thi Trung học phổ thông quốc gia và gợi ý cách làm bài.

Với nội dung và cấu trúc như trên, chúng tôi hi vọng bộ sách sẽ giúp giáo viên và HS có được một tài liệu tốt để ôn tập môn Ngữ văn nhằm đạt kết quả cao trong các kì thi cuối cấp THPT, nhất là kì thi quốc gia. Mặc dù các tác giả đã rất cố gắng, việc biên soạn sách khó tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong được bạn đọc, nhất là các thầy cô giáo, các em HS góp ý để sách được hoàn thiện hơn trong những lần in sau.

Hà Nội, tháng 12 – 2014

Thay mặt nhóm tác giả

PGS.TS. ĐỖ NGỌC THỐNG

I. NHỮNG ĐỔI MỚI TRONG VIỆC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MÔN NGỮ VĂN

Vài năm gần đây, giáo dục và đào tạo Việt Nam đang tiến hành đổi mới một cách căn bản, toàn diện. Chủ trương chuyển đổi chương trình giáo dục theo hướng nặng về cung cấp nội dung sang hướng hình thành và phát triển năng lực là một trong những đổi mới căn bản.

1. Năng lực ngữ văn và đánh giá năng lực ngữ văn

Năng lực ngữ văn gồm hai năng lực bộ phận là: *năng lực tiếp nhận văn bản* và *năng lực tạo lập văn bản*.

1.1. Năng lực tiếp nhận văn bản là khả năng lĩnh hội, nắm bắt được các thông tin chủ yếu; từ đó hiểu đúng, hiểu thấu đáo, thấy cái hay, cái đẹp của văn bản, nhất là văn bản văn học. Muốn có năng lực tiếp nhận phải biết cách tiếp nhận. Tức là dựa vào những yếu tố, cơ sở nào (từ, ngữ, câu, đoạn, hình ảnh, biểu tượng, số liệu, sự kiện, tiêu đề, dấu câu...) để có thể có được các thông tin và cách hiểu ấy.

Đánh giá năng lực tiếp nhận thường dựa vào kết quả của hai kĩ năng chính là *nghe* và *đọc*. Nghe và phản hồi các thông tin nghe được một cách nhanh chóng, chính xác, không rơi vào tình trạng "ông nói gà, bà nói vịt". Việc các nước phát triển trong nhiều kì thi phải tổ chức thi nói chính là để kiểm tra năng lực nghe/nói, năng lực trình bày miệng. Do tính chất và yêu cầu tổ chức phức tạp hơn nên hình thức thi nói ít được vận dụng. Việc đánh giá năng lực tiếp nhận chủ yếu dồn vào kĩ năng đọc hiểu văn bản.

Văn bản ở đây cần hiểu theo nghĩa rộng. Đó không chỉ là các tác phẩm thơ văn nghệ thuật mà còn là các loại văn bản không phải là văn chương, như văn bản viết về lịch sử, địa lí, toán học, sinh học... khoa học thường thức hoặc một thông báo nơi công cộng, một bản thuyết minh công dụng và cấu tạo của máy móc, một đơn xin việc... Nhiều nước gọi đó là *văn bản thông tin* – một loại văn bản rất gần gũi với mọi người và thường xuyên gặp trong cuộc sống. Về phương diện cấu trúc, bố cục cũng không chỉ kiểm tra mình loại văn bản viết liền mạch trên trang giấy mà còn rất nhiều loại văn bản kết hợp giữa kênh chữ và kênh hình (biểu đồ, đồ thị, minh họa, công thức, tranh ảnh, hình khối, bản đồ...), người ta gọi là văn bản không liền mạch (Non-Continuous Text). Tất cả đều là những văn bản cần đọc hiểu và phải dạy cho HS cách đọc hiểu mỗi loại văn bản.

Tóm lại, bên cạnh việc yêu cầu HS đọc hiểu một đoạn văn, bài thơ, nhà trường cần dạy và yêu cầu các em biết đọc hiểu các loại văn bản thông tin, trong đó có rất nhiều văn bản kết hợp kênh chữ và kênh hình, HS phải biết đọc hình kết hợp với đọc chữ để nắm được

thông tin và hiểu đúng ý nghĩa của văn bản; tức là có những hiểu biết tối thiểu về đọc văn bản đa phương thức (multimodal literacy).

1.2. Năng lực tạo lập văn bản là khả năng biết viết, biết tổ chức, xây dựng một văn bản hoàn chỉnh đúng quy cách và có ý nghĩa. Muốn có năng lực tạo lập phải biết cách tạo lập. Tức là nắm được cách viết một loại văn bản nào đó. Đánh giá năng lực tạo lập thường dựa vào kết quả của hai kĩ năng chính là *nói* và *viết*. Kĩ năng *nói* gắn liền với *nghe* như đã nêu ở trên. Ngoài việc phản hồi nhanh và chính xác lại các thông tin nghe được, nói phải rõ ràng, rành mạch, lưu loát; từ nói đúng, nói hay đến hùng biện... Cũng như kĩ năng đọc ở năng lực tiếp nhận, việc kiểm tra đánh giá năng lực tạo lập chủ yếu dồn vào kĩ năng viết văn bản.

Văn bản yêu cầu HS tạo lập vẫn là các loại văn bản đã nêu ở phần trên, nhưng có khác ở mức độ, nhất là đối với văn bản văn chương nghệ thuật. Cụ thể là nhà trường chú trọng dạy cho HS cách tiếp nhận văn bản thơ văn nghệ thuật nhưng khó yêu cầu các em tạo lập ra được loại văn bản này. Bởi đây là loại văn bản phụ thuộc vào năng khiếu thiên phú, thiên bẩm không phải muốn là có, cố mà thành. Ngoài trừ một số rất ít HS có năng khiếu văn chương thực sự, còn lại đa số chỉ nên yêu cầu các em làm quen và nắm được đặc điểm của các thể loại tác phẩm văn chương để làm cơ sở cho việc tiếp nhận văn học tốt hơn, hiệu quả hơn. Nếu có yêu cầu tạo lập cũng chỉ ở một mức độ vừa phải như biết kể lại, tả lại một sự việc, con người, quang cảnh; biết phát biểu những suy nghĩ, cảm tưởng của bản thân một cách trung thực, xúc động... Việc đề thi không yêu cầu bắt buộc phải viết một truyện ngắn hay bài thơ, với việc có một vài HS nào đó làm bài dưới dạng truyện ngắn, bài thơ,... là hai chuyện khác nhau, không mâu thuẫn gì nhau. Cũng như không phải có một số ít HS trở thành nhà văn, nhà thơ mà yêu cầu nhà trường phải dạy tất cả mọi HS phải biết viết truyện ngắn, tiểu thuyết, làm thơ hay viết tùy bút... Trong khi đó một số văn bản thông thường, gần gũi và thường xuyên phải sử dụng trong cuộc sống thì lại bị coi nhẹ. Hàng loạt HS ra đời vẫn không biết viết một bản tường trình, một đơn xin việc, một biên bản cuộc họp cho đúng nội dung và quy cách.

1.3. Để đánh giá năng lực ngữ văn (cả tiếp nhận và tạo lập) cần phải cụ thể hoá các kĩ năng (nghe, nói, đọc, viết) thành nhiều mức độ khác nhau. Theo từng cấp học, phù hợp với tâm lí – lứa tuổi mà yêu cầu từ dễ đến khó, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp... Cũng từ đó mà lựa chọn một phương thức đánh giá cho phù hợp. Chẳng hạn với các kĩ năng nghe và nói, giáo viên chủ yếu thực hiện đánh giá hằng ngày, thông qua các buổi học trên lớp, các hoạt động tập thể, sinh hoạt lớp, đoàn, đội... Các kĩ năng còn lại (đọc, viết) ngoài việc kiểm tra hằng ngày (đánh giá quá trình) thường được chú trọng ở các kì kiểm tra, thi cuối cấp, cuối lớp (đánh giá kết thúc).

Đánh giá theo yêu cầu phát triển năng lực khác đánh giá theo hướng cung cấp nội dung. Theo hướng nội dung, mục tiêu đánh giá tập trung vào xem người học biết những gì (số lượng, nhiều ít); nội dung đánh giá chủ yếu là yêu cầu nhắc lại những nội dung đã học,

những gì thầy, cô đã dạy, những bài có trong chương trình và sách giáo khoa; yêu cầu chủ yếu là chứng minh những gì đã có sẵn, ca ngợi và phê phán một chiều, kiểm tra trí nhớ là chính; đề thi và đáp án khép kín, bắt buộc phải tuân thủ theo ý của người ra đề; còn diễn đạt, hành văn phụ thuộc hoàn toàn vào cảm tính, vào cái "gu" của người chấm... Kết quả là HS tập trung học thuộc lòng, chép văn mẫu.

Mục tiêu của đánh giá theo yêu cầu phát triển năng lực cần xác định được khả năng vận dụng tổng hợp những gì đã học của HS vào việc giải quyết một bài toán mới, đáp ứng các yêu cầu mới trong một tình huống tương tự. Nội dung đánh giá không phải chỉ là những gì đã học mà còn là yêu cầu tổng hợp, liên hệ nhiều nội dung đã học; không chỉ giữa các phân môn trong môn học mà còn cả những hiểu biết từ các môn học khác. Tăng cường yêu cầu HS tìm mối liên hệ giữa các kiến thức, kĩ năng của bài học với các hiện tượng, sự vật, sự việc, con người... thường xuất hiện trong đời sống sinh hoạt cũng như công việc hằng ngày. Phương thức đánh giá không chú trọng yêu cầu học thuộc, nhớ máy móc, nói đúng và đầy đủ những điều thầy, cô đã dạy... mà coi trọng ý kiến và cách giải quyết vấn đề của mỗi cá nhân người học; động viên những suy nghĩ sáng tạo, mới mẻ, giàu ý nghĩa; tôn trọng sự phản biện trái chiều, khuyến khích những lập luận giàu sức thuyết phục... Muốn thế, đề thi và đáp án cần theo hướng mở với những yêu cầu và mức độ phù hợp; tránh cả hai khuynh hướng cực đoan: "đóng" một cách cứng nhắc, máy móc, làm thu hẹp sự sáng tạo và "mở" một cách tùy tiện "không biên giới", phi thẩm mỹ, phản giáo dục...

2. Yêu cầu của việc kiểm tra, đánh giá theo năng lực ngữ văn

2.1. Về cách thức ôn tập, kiểm tra

Để đánh giá kĩ năng *đọc hiểu*, cần giúp HS nắm được thế nào là hiểu một văn bản; xác định các yêu cầu và hình thức kiểm tra cụ thể về đọc hiểu; lựa chọn những văn bản mới, viết theo nhiều phương thức và phong cách ngôn ngữ khác nhau, phù hợp với trình độ nhận thức và năng lực của HS để làm ngữ liệu; sử dụng đa dạng các loại câu hỏi và xây dựng hướng dẫn chấm một cách phù hợp với mục đích và đối tượng; sử dụng đa dạng các loại câu hỏi và xây dựng hướng dẫn chấm trên cơ sở tham khảo cách làm của một số nước có nền giáo dục phát triển.

Các câu hỏi phân đọc hiểu tập trung vào một số khía cạnh như:

- Nắm được nội dung chính và các thông tin quan trọng của văn bản, hiểu ý nghĩa tên văn bản.
- Có những hiểu biết về từ ngữ, cú pháp, cấu trúc, thể loại văn bản để phát hiện, đề xuất, sửa chữa các lỗi về từ ngữ, cú pháp...
- Nhận ra và thấy được tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật nổi bật được tác giả sử dụng trong văn bản.

- Nêu được ý nghĩa và giá trị của văn bản.
- Có kĩ năng đọc hiểu văn bản (biết cách đọc một văn bản).

Để đánh giá kĩ năng *viết*, cần yêu cầu HS vận dụng những kĩ năng viết đã học để tạo lập văn bản về một đề tài xã hội hoặc/và tác phẩm, trích đoạn văn học nào đó theo *hướng mở và tích hợp trong môn và liên môn*. Cần đổi mới cách hỏi, cách nêu vấn đề; những năm tiếp theo khuyến khích sử dụng những tác phẩm, trích đoạn bên ngoài nhưng có nội dung, độ khó... tương tự các tác phẩm, trích đoạn đã học trong chương trình. Nội dung đáp án, hướng dẫn chấm bài viết của HS cần dựa vào chuẩn kĩ năng viết nói chung và chuẩn kĩ năng viết kiểu văn bản mà đề bài yêu cầu. Hướng dẫn chấm không áp đặt nội dung chi tiết cần đạt nhưng sẽ có quy định về tư tưởng của người viết. Tư tưởng được chấp nhận là tư tưởng không đi ngược lại các giá trị nhân văn, những chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

Câu hỏi phân viết sẽ tập trung kiểm tra những khía cạnh như:

- Tri thức về văn bản viết (kiểu loại văn bản, cấu trúc văn bản, quá trình viết), nhận thức đúng nhiệm vụ và yêu cầu của đề văn.
- Kĩ năng viết (đúng chính tả, ngữ pháp, viết theo phong cách ngôn ngữ viết, sử dụng từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp trong bài viết; lập dàn ý và phát triển ý; bộc lộ quan điểm, tư duy một cách độc lập...).
- Khả năng viết các loại văn bản phù hợp với mục đích, đối tượng, hoàn cảnh của các tình huống khác nhau (vận dụng vào thực tiễn học tập và đời sống).

2.2. Về hệ thống câu hỏi, bài tập

Các câu hỏi, bài tập nhằm rèn luyện năng lực đọc hiểu có thể tập trung các dạng thức sau:

- Kiểm tra kiến thức về tiếng Việt: phát hiện những sai sót về chính tả, ngữ pháp, chấm câu, dùng từ, logic... Chẳng hạn, cho một đoạn văn có nhiều sai sót và yêu cầu HS phát hiện những sai sót trong đoạn văn đó.
- Yêu cầu tóm tắt ý chính của một đoạn văn bản cho trước (văn bản có thể là văn học, lịch sử, địa lí, khoa học tự nhiên...).
- Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật đặc sắc và tác dụng của các biện pháp đó trong một đoạn thơ/ văn cho sẵn.

Về lâu dài, có thể tăng số lượng điểm về đọc hiểu và kết hợp kiểm tra giữa dạng viết và dạng trắc nghiệm như PISA⁽¹⁾ và một số nước phát triển.

Các câu hỏi, bài tập nhằm rèn luyện năng lực viết có thể tập trung vào các dạng thức sau:

(1) Viết tắt cụm từ tiếng Anh: *Programme for International Student Assessment* (Chương trình đánh giá học sinh quốc tế).

– Nghị luận xã hội: yêu cầu tích hợp các kiến thức lịch sử, địa lí, đạo đức, văn hoá... ra theo dạng đề mở và đáp án mở.

– Nghị luận văn học: yêu cầu phân hoá cao hướng tới tuyển sinh đại học. Đề yêu cầu vận dụng sáng tạo những hiểu biết về kiến thức và kĩ năng văn học để thực hành, phân tích, đánh giá, bình luận, bác bỏ một vấn đề văn học, một văn bản, trích đoạn chưa được học trong SGK hiện hành.

2.3. Về mức độ (độ khó) của các dạng câu hỏi, bài tập

Các dạng câu hỏi, bài tập phân hoá theo trình độ nhận thức với 4 cấp độ:

- Nhận biết (Biết)
- Thông hiểu (Hiểu)
- Vận dụng (thấp)
- Vận dụng cao

Đối với môn Ngữ văn, những yêu cầu về các mức độ nêu trên cần hiểu đúng bản chất và phù hợp với đặc trưng của môn học.

Nhận biết, nghĩa là nhận ra được sự vật, hiện tượng, trả lời câu hỏi: Nó là gì? Câu trả lời cũng không cần nêu chính xác định nghĩa, khái niệm mà chỉ cần miêu tả, nêu, giới thiệu đúng đặc điểm của sự vật, hiện tượng ấy và quan trọng hơn là cần nhận ra được sự vật, hiện tượng ấy trong thực tế. Chẳng hạn: phép tu từ so sánh, có hai cách kiểm tra xem HS có nhận biết được không:

(1) (cách kiểm tra cũ) thường nêu câu hỏi: Phép tu từ so sánh là gì? Và yêu cầu HS nêu đúng định nghĩa trong SGK.

(2) nêu cụ thể ra một số câu thơ/ văn sau đó yêu cầu: Trong các câu sau đây, câu nào chứa phép tu từ so sánh?

Cách thứ hai chính là cách kiểm tra nhận biết theo yêu cầu phát triển năng lực. Vấn đề không phải là đánh giá việc HS thuộc lòng lí thuyết, nhớ chính xác các định nghĩa, khái niệm mà quan trọng là HS phải nhận biết, chỉ ra được sự vật, hiện tượng đó trong thực tế. Hơn nữa, nội hàm một thuật ngữ, khái niệm có thể có rất nhiều cách phát biểu khác nhau.

Thông hiểu, nghĩa là nắm được bản chất của sự vật, hiện tượng, thường nhằm trả lời câu hỏi tại sao. Chẳng hạn với phép tu từ so sánh vừa nêu trên, nếu ở mức độ thông hiểu câu hỏi khái quát sẽ là: *Vì sao anh (chị) nghĩ đây là phép tu từ so sánh?* Trả lời câu hỏi này, HS phải lí giải và lập luận để thuyết phục người hỏi; chứng minh được việc hiểu của mình là có cơ sở chứ không phải là đoán mò, nhớ máy móc, hình thức. Tuy nhiên, về hình thức đánh giá việc thông hiểu của HS rất đa dạng, không phải chỉ hỏi khái quát như trên mà có thể kiểm tra bằng nhiều cách. Chẳng hạn:

Cho các ví dụ sau đây:

– *Tôi cao hơn nó rất nhiều.*

– *Tình anh như nước dâng cao... (Ca dao)*

Trong hai ví dụ trên, ví dụ nào là phép tu từ so sánh? Vì sao?

Vận dụng, trong môn Ngữ văn, chính là biết thực hành tạo lập sản phẩm diễn ngôn trong giao tiếp (đọc, nghe, nói, viết). Vận dụng mức thấp là biết làm theo, "bắt chước" những "mẫu mã" hay, đẹp, để tạo ra sản phẩm của mình. Bác Hồ đã từng căn dặn cần phải học theo lời ăn tiếng nói của quần chúng nhân dân. Học theo chính là bắt chước; nhưng ở đây là bắt chước cái hay, cái đẹp trong giao tiếp. Với các câu hỏi, bài tập, đề thi, kiểm tra đánh giá năng lực vận dụng mức thấp thường yêu cầu tạo ra một sản phẩm tương tự. Chẳng hạn:

Bác Hồ viết: *"Tiếng suối trong như tiếng hát xa"*. Anh (chị) hãy đề xuất một phép so sánh về tiếng sóng biển theo mẫu: Tiếng sóng biển nghe như...

Vận dụng ở mức cao muốn chỉ độ khó của sự vận dụng, thực hành; đòi hỏi phải có sáng tạo; phải vận dụng được khả năng phân tích, tổng hợp, rút ra những kết luận, nhận xét, đánh giá theo quan điểm của mình. Chẳng hạn, yêu cầu HS viết một đoạn văn trong đó phân tích và nhận xét, đánh giá được vai trò, tác dụng của phép tu từ so sánh trùng điệp (nhiều so sánh về cùng một đối tượng) trong đoạn thơ sau:

*Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.*

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

Tất nhiên, các dạng câu hỏi, bài tập cụ thể là hết sức đa dạng và phong phú, các ví dụ trên lấy cùng một ngữ liệu về phép tu từ so sánh để tiện làm sáng tỏ các yêu cầu với các mức độ nhận thức và vận dụng khác nhau.

2.4. Câu hỏi mở và cách lập ý cho câu hỏi mở

a) Thế nào là câu hỏi mở

Một trong những thay đổi của chương trình làm văn mới là việc tăng cường ra các câu hỏi theo *dạng mở* đã kích thích được nhiều sự suy nghĩ độc lập, độc đáo và sáng tạo của HS.

Thế nào là một câu hỏi mở? Chúng tôi quan niệm đó là loại câu hỏi chỉ nêu vấn đề cần bàn luận trong bài nghị luận hoặc chỉ nêu đề tài để viết văn tự sự, miêu tả..., không nêu mệnh lệnh gì về thao tác lập luận như kiểu "hãy chứng minh, hãy giải thích, hãy phân tích..." hoặc phương thức biểu đạt như "hãy kể, hãy phát biểu cảm nghĩ...". "Câu hỏi mở" khác với loại câu hỏi có đầy đủ các yếu tố, từ lời dẫn đến yêu cầu về thao tác cụ thể

(trước gọi là kiểu bài), có thể gọi đó là dạng "*câu hỏi đóng*", "*câu hỏi khép kín*". Câu hỏi mở không phải là dạng đề mới mẻ hoàn toàn. Dạng câu hỏi này đã được đưa vào sách Ngữ văn THCS mới, thí điểm từ năm 2000, đại trà từ năm 2002. Đây cũng không phải thuộc phần nâng cao hay phổ thông, nhưng dùng loại câu hỏi này để phân hoá trình độ của HS trong kiểm tra, đánh giá thì phù hợp hơn. Những câu hỏi như thế ở sách nước ngoài không thiếu, chẳng hạn hãy tham khảo một số câu hỏi thi vào đại học của Trung Quốc năm 2006⁽¹⁾

(1) *Viết một bài văn với chủ đề "hiểu cuộc sống, hiểu cha mẹ".* (Đề của tỉnh An Huy)

(2) *Viết một bài văn với tiêu đề "Một nét chấm phá về Bắc Kinh".* (Đề của thành phố Bắc Kinh)

(3) *Viết một bài văn với chủ đề "Tôi muốn nắm chặt tay bạn".* (Đề của thành phố Thượng Hải)

(4) *Trong cuộc sống có rất nhiều câu hỏi, có người ham hỏi, có người ngại hỏi. Hãy lấy Hỏi làm chủ đề và viết một bài văn khoảng 800 chữ.* (Đề của tỉnh Tứ Xuyên)

(5) *Lấy đôi vai làm chủ đề và viết một bài văn 800 chữ.* (Đề của tỉnh Liêu Ninh)

Có thể thấy điểm chung khá thống nhất của các câu hỏi trên đây là chỉ nêu lên một đề tài, một vấn đề để người viết bàn luận và làm sáng tỏ. Tùy vào nội dung vấn đề, đề tài đó mà người viết lựa chọn và quyết định các thao tác nghị luận nào cho phù hợp. Nhìn chung là phải vận dụng nhiều thao tác trong một bài viết. Rất ít thấy những câu hỏi nêu yêu cầu về *kiểu bài* hoặc *thao tác* lập luận. Đây chính là dạng *câu hỏi mở* theo quan niệm ở trên.

Để khắc phục tình trạng trên, nhằm khuyến khích những suy nghĩ đa dạng, phong phú của nhiều đối tượng HS khác nhau, xu hướng câu hỏi mở ngày càng trở nên phổ biến. Theo tinh thần đó, sách Ngữ văn mới từ cấp THCS đến THPT đã thay đổi nhiều trong cách ra câu hỏi từ những năm 2000 trở lại đây. Hãy tham khảo một số câu hỏi sau:

(1) *Nếu không có sách nhân loại sẽ thế nào?*

(2) *Chợ quê và siêu thị.*

(3) *Mỗi truyện ngụ ngôn có thể rút ra nhiều bài học.*

(4) *Con người Nguyễn Khuyến qua bài thơ **Vịnh mùa thu** (Thu vịnh).*

(5) *Viết về một bài thơ trung đại Việt Nam mà anh (chị) yêu thích.*

Dù là dạng mở nhưng yêu cầu về nội dung vấn đề là yêu cầu bắt buộc mỗi câu hỏi phải có. Nhìn chung, tùy vào nội dung do đề bài đặt ra mà người viết lựa chọn và vận dụng một số thao tác lập luận cho phù hợp.

(1) Theo vietnamnet.vn, ngày 4/8/2006.

Loại câu hỏi mở nêu trên có những điểm hay, nhưng cũng có điểm hạn chế nhất định. Cái hay của dạng câu hỏi này là phân hoá được trình độ HS rất rõ, người viết bài khó mà chép được "văn mẫu", phải tự mình suy nghĩ và viết ra những ý nghĩ của chính mình... Điểm "hạn chế" của dạng câu hỏi này, nếu có là chỗ khá khó đối với những HS trung bình. Câu hỏi như thế cũng khó làm đáp án cho rõ ràng, mạch lạc và GV chấm bài phải rất "vững tay". Đáp án cho dạng câu hỏi này cũng phải là "đáp án mở". Tức là, không nên bó chặt người viết vào một số ý nào (có sẵn, cho trước) mà chỉ nêu định hướng về cách giải quyết. Còn nội dung cụ thể thì để cho HS tự xác định, tự bộc lộ và trình bày. GV căn cứ vào nội dung và hình thức trình bày của HS mà đánh giá, cho điểm. Chất lượng của bài viết cũng không thể lấy ngắn dài mà đo được. Vấn đề là HS viết gãy gọn, sáng sủa, trình bày những suy nghĩ hoặc kể lại câu chuyện nào đó một cách trung thực, cảm động.

b) Cách triển khai ý cho câu hỏi mở

Trước một câu hỏi hay, phân tích, tìm hiểu cho kĩ càng, sâu sắc đã khó, xây dựng cho được một dàn ý tương đối hoàn chỉnh và đúng đắn lại càng khó hơn. Bởi trước một vấn đề của cuộc sống xã hội hoặc văn chương sẽ có không ít cách tiếp cận, tìm hiểu. Và do vậy ít khi có một lời đáp duy nhất, đặc biệt là loại đề phân tích, bình giảng một tác phẩm. Tuy nhiên, nói như thế không có nghĩa là trước một đề văn, ai thích nói gì thì nói, ngay cả với việc phân tích, bình giảng một tác phẩm văn học cũng thế. Nhà trường tôn trọng, khuyến khích tất cả những cách cảm thụ và kết quả tiếp nhận của cá nhân mỗi người. Cách hiểu, cách trình bày và diễn đạt của ai đó có thể rất khác người, khác đời, nhưng tất cả đều phải có lí, phải có sức thuyết phục. Vì thế trước một câu hỏi, dù muốn hay không người ra đề cũng như người viết bài cũng phải nêu lên được cách hiểu (nhận thức đề) và những ý cơ bản cần phải đạt được trong bài viết. Tức là phải hình thành được hệ thống ý đáp ứng được yêu cầu của đề.

Trước hết, cần nhấn mạnh ý ở đây là ý của đề bài đặt ra chứ không phải ý của tác phẩm được phân tích. Tất nhiên có khi ý của đề trùng với ý của tác phẩm được phân tích. Đó là khi câu hỏi yêu cầu phân tích, bình giảng một tác phẩm độc lập, cụ thể nào đó. Ví dụ: "Vẻ đẹp của truyện ngắn *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam)", thì ý của câu hỏi gần như trùng với ý của tác phẩm được phân tích. Cũng là truyện ngắn trên, nhưng với câu hỏi: "Bóng tối và ánh sáng trong thiên truyện *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam", thì ý của câu hỏi lại khác và do vậy cách xây dựng luận điểm cũng như cách phân tích lập luận cho hai câu hỏi là rất khác nhau.

Để tìm được ý cho một đề văn, một trong những cách tương đối có hiệu quả là người viết biết đặt ra các câu hỏi và tìm cách trả lời. Việc đặt ra các câu hỏi thực chất là biết soi sáng đối tượng dưới nhiều góc độ, biết lật đi lật lại vấn đề để tìm hiểu, xem xét cho kĩ càng và thấu đáo hơn. Hãy tham khảo cách tìm ý cho câu hỏi sau đây:

– *Trái đất sẽ ra sao nếu thiếu đi màu xanh của những cánh rừng?*

Tìm hiểu và phân tích câu hỏi trên, dễ dàng nhận ra vấn đề trọng tâm cần làm sáng tỏ ở đây là: vai trò to lớn của rừng đối với đời sống con người. Để tìm ý cho bài viết, có thể đặt ra các câu hỏi như:

– Rừng mang lại những lợi ích gì?

– Hiện nay rừng đang bị tàn phá ra sao?

– Những nguyên nhân nào khiến rừng bị tàn phá?

– Những hậu quả to lớn do rừng bị tàn phá là gì?

– Cần phải làm gì để cứu lấy rừng?

– Những suy nghĩ và tình cảm của bản thân người viết trước cảnh rừng bị tàn phá và ước mơ về tương lai của rừng như thế nào?...

Trong mỗi câu hỏi lớn trên, có thể đặt tiếp các câu hỏi nhỏ để triển khai các ý lớn. Chẳng hạn, để triển khai những lợi ích của rừng, có thể đặt tiếp các câu hỏi nhỏ: Rừng mang lại lợi ích kinh tế ở chỗ nào? Rừng có mang lại lợi ích về văn hoá không? Về môi trường và sức khoẻ con người?...

c) Đáp án cho câu hỏi mở

Đây cũng là vấn đề cần lưu ý vì nó liên quan đến cách làm (của HS) và cách chấm điểm (của GV). Đáp án mở không nên nêu ra tất cả các ý phải có theo nhận thức của người ra đề mà cần để một khoảng trống cho những ý kiến riêng, những sáng tạo của HS. Tuy nhiên, không thể không nêu lên một số ý cốt lõi mà bản thân câu hỏi yêu cầu phải có. Vì thế đáp án cho câu hỏi mở thường được gọi là gợi ý chấm bài.

Xin giới thiệu gợi ý chấm bài cho câu hỏi: *Chợ quê và siêu thị.*

Đây là câu hỏi nghị luận xã hội về một hiện tượng trong cuộc sống.

Yêu cầu của câu hỏi theo hướng mở, nêu lên hai hiện tượng: chợ quê và siêu thị, không nêu kèm theo các yêu cầu gì về thao tác cũng như giới hạn đề. Tuy nhiên, không phải viết thế nào cũng được. HS cần căn cứ vào cách hiểu của mình để đề xuất một cấu trúc bài viết cho hợp lí.

Đề yêu cầu HS thể hiện chính kiến của mình và vận dụng tổng hợp các thao tác nghị luận: chứng minh, giải thích, bác bỏ, bình luận... cũng như kết hợp các phương thức miêu tả, thuyết minh, biểu cảm, tự sự...

Trước hết là yêu cầu so sánh sự khác nhau giữa siêu thị và chợ quê. Nhưng như thế phải giới thiệu, thuyết minh và miêu tả cho người đọc chợ quê là gì và siêu thị là gì.

Sau đó phân tích và chứng minh sự tiện lợi và giá trị, vẻ đẹp của mỗi loại (siêu thị và chợ quê mỗi loại có vẻ đẹp và giá trị riêng). Từ đó nêu hiện trạng: hiện nay siêu thị ngày

càng nhiều, chợ quê ngày càng ít đi, thậm chí có nơi biến mất. Hiện trạng ấy dẫn đến hệ quả gì?

Bình luận (nêu ý kiến của mình) xem có tán thành hiện tượng ấy không? Chỉ ra nguyên nhân vì sao? Ai chịu trách nhiệm?

Nêu giải pháp: chẳng hạn phải bảo tồn chợ quê và phát triển siêu thị cho phù hợp, đúng nơi, đúng chỗ.

Khái quát, mở rộng, nâng cao vấn đề: từ siêu thị và chợ quê nghĩ tới nhiều hiện tượng khác tương tự. Đó là vấn đề mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, xưa và nay, cái cũ và cái mới, bản sắc dân tộc và hội nhập quốc tế,...

Có thể bình luận mở rộng và nâng cao vấn đề bằng cách khẳng định và phê phán những đổi mới, cải tiến, những thay đổi trên nhiều lĩnh vực trong cuộc sống hiện nay. Có những thay đổi tích cực nhưng cũng có những thay đổi để lại những hậu quả không hay, cần bàn bạc, suy nghĩ kĩ trước khi quyết định thay đổi, cải tiến; liên hệ rộng ra các sự việc và hiện tượng khác trong cuộc sống mà người viết thấy có loại thay đổi làm cho tốt lên và có loại làm cho xấu đi.... Từ đó rút ra bài học cho bản thân.

Về thang điểm: Giới thiệu hiện tượng, so sánh, phân tích, lí giải, chứng minh và bác bỏ có sức thuyết phục cho 5 điểm; 2 điểm cho phần bình luận, mở rộng, rút ra bài học; 1 điểm cho hình thức và sự sáng tạo.

II. PHẠM VI ÔN LUYỆN VÀ YÊU CẦU PHÂN HOÁ

1. Phạm vi ôn luyện

Do cùng lúc hướng tới hai yêu cầu (xét tốt nghiệp và tuyển sinh đại học – cao đẳng) nên đề thi phải có tính phân hoá cao. Tính phân hoá của một đề thi phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- a) Phạm vi kiến thức, kĩ năng Ngữ văn cần kiểm tra, đánh giá
- b) Yêu cầu về mức độ (độ khó) của các câu hỏi, bài tập
- c) Yêu cầu về số lượng câu hỏi, bài tập và thời gian làm bài

Về phạm vi ôn luyện, thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (9/2014) đã nêu rõ: "Nội dung đề thi nằm trong chương trình THPT, chủ yếu lớp 12". Tuy nhiên, cần lưu ý HS một số điểm sau:

Thứ nhất, chương trình Ngữ văn lớp 12 không đơn giản chỉ là các văn bản, tác phẩm văn học được học trong SGK mà còn là những nội dung và yêu cầu về kĩ năng về tiếng Việt và làm văn nữa. Trong đó có yêu cầu về phương pháp – một yêu cầu thường ít được HS chú ý. Chẳng hạn, chuẩn kiến thức và kĩ năng cần đạt đối với HS lớp 12 yêu cầu không chỉ nắm được *nội dung của một số tác phẩm văn xuôi* tiêu biểu của Việt Nam sau 1975 mà còn *biết cách đọc hiểu các tác phẩm văn xuôi* trong giai đoạn này. Hoặc HS

biết cách làm một bài văn nghị luận (xã hội và văn học) vận dụng tổng hợp các thao tác nghị luận và các phương thức biểu đạt...

Như thế, cần hiểu phạm vi ôn luyện không chỉ là những văn bản tác phẩm cụ thể của riêng phân văn học.

Thứ hai, nói chủ yếu là nằm trong chương trình lớp 12, có nghĩa là vẫn có những phần kiến thức nằm ở các lớp khác. Như thế khi ôn luyện, HS cần chú ý cả chương trình lớp 11, thậm chí cả lớp 10. Thực ra nhiều nội dung kiến thức và kĩ năng viết, kĩ năng đọc hiểu văn bản là kết quả rèn luyện tổng hợp của HS trong một thời gian dài (nhiều lớp) chứ không chỉ lớp 12.

Do yêu cầu phân hoá nên những nội dung mở rộng ngoài chương trình lớp 12 có thể nhằm phục vụ cho các câu hỏi khó, câu hỏi để phục vụ tuyển sinh đại học.

Thứ ba, việc kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực tập trung vào yêu cầu HS vận dụng, giải quyết vấn đề là chính. Vì vậy, phần ngữ liệu có thể đã học hoặc chưa học vẫn được đưa vào đề thi sau đó yêu cầu HS vận dụng những gì đã học vào thực hành, giải quyết vấn đề đặt ra. Chẳng hạn, đề có thể cho bài thơ, đoạn văn không có trong chương trình, chưa được học, được giảng trên lớp để yêu cầu HS vận dụng cách phân tích, đọc hiểu thơ văn để làm sáng tỏ cái hay, cái đẹp của bài thơ, đoạn văn đã cho. Với cách dạy học và kiểm tra truyền thống, nếu ra đề theo kiểu này thì bị coi là vi phạm quy định, không đúng phạm vi hướng dẫn ôn tập... Tuy nhiên, với yêu cầu đổi mới hiện nay, cách ra đề nêu trên không còn là điều cấm kị, không có gì xa lạ nữa; đây cũng là xu thế quốc tế về kiểm tra năng lực, mà tiêu biểu nhất là cách đánh giá của PISA.

Điều đó cho thấy, không nên quá băn khoăn về vấn đề phạm vi ôn luyện mà điều quan trọng là cần trang bị cho mình một cách thức, phương pháp tìm hiểu, phân tích, đánh giá... một vấn đề (văn học hoặc cuộc sống xã hội) để từ đó đề thi nêu lên bất cứ ngữ liệu gì, thuộc phạm vi nào HS vẫn có thể tự mình giải quyết được.

Tuy nhiên, để làm tốt bài thi Ngữ văn trong kì thi THPT quốc gia, HS cần chú ý chuẩn bị ôn luyện tập trung vào các nội dung cơ bản sau:

1.1. Những kiến thức văn học thuộc chương trình Ngữ văn lớp 12

a) Văn học Việt Nam (từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX) bao gồm:

- Tuyên ngôn Độc lập – Hồ Chí Minh
- Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc – Phạm Văn Đồng
- Tây Tiến – Quang Dũng
- Tiếng hát con tàu – Chế Lan Viên
- Việt Bắc (trích) – Tố Hữu
- Đất Nước (trích) – Nguyễn Khoa Điềm
- Sóng – Xuân Quỳnh

- *Đàn ghi ta của Lor-ca* – Thanh Thảo
- *Người lái đò Sông Đà* (trích) – Nguyễn Tuân
- *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (trích) – Hoàng Phủ Ngọc Tường
- *Vợ nhặt* – Kim Lân
- *Vợ chồng A Phủ* (trích) – Tô Hoài
- *Rừng xà nu* – Nguyễn Trung Thành
- *Những đứa con trong gia đình* – Nguyễn Thi
- *Chiếc thuyền ngoài xa* – Nguyễn Minh Châu
- *Một người Hà Nội* – Nguyễn Khải
- *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (trích kịch) – Lưu Quang Vũ

b) Lịch sử văn học

Ngoài các bài đọc – hiểu văn bản văn học cụ thể nêu trên, HS cần chú ý một số bài khái quát (văn học sử) như:

- Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX
- Tác gia Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh
- Tác gia Tố Hữu
- Tác gia Nguyễn Tuân

HS cũng cần chú ý thêm một số văn bản nhật dụng trong chương trình Ngữ văn 12 viết về những vấn đề cấp thiết đang đặt ra trong cuộc sống hiện tại. SGK Ngữ văn đã cụ thể hoá yêu cầu đó bằng các văn bản như:

- *Thông điệp nhân Ngày Thế giới phòng chống AIDS, 1 – 12 – 2003* – Cô-phi An-nan
- *Nhìn về vốn văn hoá dân tộc* (trích *Đến hiện đại từ truyền thống*) – Trần Đình Hượu
- *Con đường trở thành "kẻ sĩ hiện đại"* (trích *Bàn về đạo Nho*) – Nguyễn Khắc Viện
- *Tư duy hệ thống – nguồn sức sống mới của đổi mới tư duy* (trích *Một góc nhìn của trí thức*) – Phan Đình Diệu

c) Văn học nước ngoài với ba tác phẩm sau:

- *Ông già và biển cả* (trích) – Hê-minh-uê
- *Thuốc* – Lỗ Tấn
- *Số phận con người* (trích) – Sô-lô-khốp

1.2. Những kiến thức văn học mở rộng ngoài lớp 12

Ngoài các bài học trong giới hạn chương trình lớp 12 nêu trên, do yêu cầu và tính chất của kì thi THPT quốc gia, HS cần chú ý thêm một số nội dung sau: